

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2209/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

**Chị Lê Thủy H1, sinh năm 1984.**

Địa chỉ: Phòng kinh doanh, công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, số 01 Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, P.Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.

**Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1979.**

Địa chỉ: tổ 4, khu phố Vườn Dừa, phường Phước Tân, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thủy H1 và anh Lê Mạnh H tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2008 ngày 10/12/2008. Căn cứ các điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay, chị H1 và anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị H1 và anh H có 02 con chung là cháu Lê Cát An N, sinh ngày 18/12/2013 và Lê Nhật A, sinh ngày 01/5/2017. Khi ly hôn, cả hai thống nhất giao cháu N và cháu A cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng/01 người con kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N và cháu A tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê Mạnh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có

quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị H1 mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000714 ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh H, chị H1 đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thủy H1, sinh năm 1984 và anh Lê Mạnh H, sinh năm 1979 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Cát An N, sinh ngày 18/12/2013 và Lê Nhật A, sinh ngày 01/5/2017 cho chị Lê Thủy H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Mạnh H cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N và cháu A tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Lê Mạnh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh H, chị H1 mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000714 ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Anh H, chị H1 đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## **THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND p. Xuân An, thị xã Long Khánh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**Nguyễn Triều Châu**